

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/DS-PT

Ngày 16-7-2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Điều Thị Kim Liên

Các thẩm phán:

Ông Phạm Tuấn Minh

Bà Đinh Thị Mai Lan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2025/DSPT ngày 17/6/2025 về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DSST ngày 13/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Sơn La) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 34/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lò Văn K; sinh năm: 1971, bà Lò Thị D; sinh năm: 1972. Nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La (nay là xã C, tỉnh Sơn La). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Tòng Văn S; sinh năm :1966, bà Lò Thị C; sinh năm: 1969. Nơi cư trú: bản P, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La (nay là xã M, tỉnh Sơn La). Có mặt.

3. Người kháng cáo : Ông Tòng Văn S và bà Lò Thị C – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Lò Văn K và bà Lò Thị D trình bày:**

Ngày 30/7/2016 ông bà cho ông Tòng Văn S, bà Lò Thị C, địa chỉ: Bản P, xã M, huyện M, tỉnh Sơn La vay tiền, khi viết giấy vay tiền có sự tham gia của

anh Lò Văn T ở bản L, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La làm chứng và là người viết hộ biên bản vay tiền với số tiền vay 78.000.000 đồng. Thời hạn trả ngày 30/12/2016 phải thanh toán trả cho ông bà số tiền trên. Ngoài ra ông Tòng Văn S, bà Lò Thị C cũng tự viết giấy vay tiền với nội dung như trên. Đến hạn ông Tòng Văn S và Lò Thị C không trả nợ, mặc dù ông bà đã đòi nhiều lần.

Ông Lò Văn K, bà Lò Thị D trình bày trong giấy vay ghi tài sản thế chấp là chiếc xe máy Excites BKS 26B1.376.61; 01 con trâu; 02 con bò; ông bà xác nhận số tài sản trên chỉ ghi chứ không đăng ký và không giao cho bên cho vay giữ. Nay không yêu cầu vì không có tài sản để giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Lò Văn K, bà Lò Thị D yêu cầu tòa án giải quyết: Buộc ông Tòng Văn S và bà Lò Thị C phải thanh toán số tiền gốc là 78.000.000 đồng (bảy mươi tám triệu đồng) và phải trả lãi theo quy định của pháp luật, thời gian tính lãi kể từ ngày 30/12/2016

Nguyên đơn đưa ra tài liệu chứng cứ gồm: Một “Biên bản vay tiền” ngày 30/7/2016 số tiền vay 78.000.000 đồng (do anh Lò Văn T viết) và một “ Giấy biên nhận vay tiền” ngày 30/7/2016 số tiền vay 78.000.000 đồng (do ông Tòng Văn S, bà Lò Thị C viết).

Tại cấp sơ thẩm bị đơn ông Tòng Văn S và bà Lò Thị C vắng mặt không có ý kiến trình bày. Tại biên bản lấy lời khai ngày 10/7/2025 tại cấp phúc thẩm bị đơn ông Tòng Văn S trình bày:

Ông có vay của ông Lò Văn K và bà Lò Thị D số tiền 50.000.000đ vào năm 2016, khi vay tiền có ông Lò Văn T là người chứng kiến ghi giấy vay tiền. Lãi suất thỏa thuận 2,5%/1 tháng, hai bên không giao tài sản bảo đảm. Số tiền gốc mà ông K, bà D yêu cầu vợ chồng ông bà phải trả 78.000.000đ là không đúng vì đó đã bao gồm cả là số tiền gốc và lãi. Về số tiền vay ông bà đã trả cho ông K, bà D như sau: Năm 2017 trả lãi 13.700.000đ; năm 2018 trả lãi 14.000.000đ; năm 2019 trả lãi 12.000.000đ; năm 2020 trả lãi 9.000.000đ; năm 2021 trả lãi 3.500.000đ và 540kg thóc. Việc trả cho bên ông K, bà D không có giấy tờ. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn và lãi suất cao nên không thể tiếp tục trả được.

* Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DSST ngày 13/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, quyết định:

Căn cứ điều 463; khoản 1, khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468; khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:.

Tuyên xử:

Buộc ông Tòng Văn S, bà Lò Thị C phải thanh toán trả nợ cho ông Lò Văn K, bà Lò Thị D số tiền vay gốc là 78.000.000 đồng (bảy mươi tám triệu đồng) và lãi là 65.020.000 đồng (sáu mươi lăm triệu không trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 143.020.000 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ngày 14/5/2025 cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015”

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/6/2025, bị đơn ông Tòng Văn S và bà Lò Thị C có đơn kháng cáo với nội dung: Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của nguyên đơn: Ông K và bà D khẳng định số tiền cho vay gốc là 78.000.000 đồng (bảy mươi tám triệu đồng) và chưa nhận được bất kì số tiền nào như phía bị đơn trình bày đã trả từ khi cho vay. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của bị đơn: Bị đơn ông Tòng Văn S và bà Lò Thị C cho rằng số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) với lãi suất 2,5%/tháng từ năm 2016. Ông bà đã trả được số tiền vay vào các năm 2017 trả lãi 13.700.000 đồng; năm 2018 trả 14.000.000 đồng; năm 2019 trả được 12.000.000 đồng; năm 2020 trả được 9.000.000 đồng; năm 2021 trả được 3.500.000, ngoài ra có trả bằng 540 kg thóc và đề nghị trả bằng trâu bò nhưng phía nguyên đơn không chấp nhận. Do đó không nhất trí với nội dung bản án sơ thẩm đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Tòng Văn S và bà Lò Thị C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DSST ngày 13/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 4/6/2025, bị đơn Ông Tòng Văn S và bà Lò Thị C có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 02/2025/DS-ST ngày 13/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La. Xét thấy đơn kháng cáo trong hạn luật định, đảm bảo về hình thức và nội dung theo quy định tại các Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự, do vậy được chấp nhận giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn ông Lò Văn K và bà Lò Thị D khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Tòng Văn S, bà Lò Thị C phải thanh toán số tiền gốc đã vay và trả lãi theo quy định pháp luật từ ngày 30/12/2016. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Tòng Văn S và bà Lò Thị C, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về số tiền gốc

Bị đơn ông Tòng Văn S và bà Lò Thị C cho rằng số tiền nợ gốc mà ông bà vay của ông K, bà D là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) với lãi suất 2,5% tháng từ năm 2016. Số tiền 78.000.000đ theo Biên bản vay tiền ngày 30/7/2016 mà nguyên đơn cung cấp không phải là số tiền vay gốc mà đã bao gồm cả gốc và lãi. Đồng thời bị đơn cho rằng đã thực hiện việc trả nợ cho nguyên đơn nhiều lần gồm:

Năm 2017 trả lãi 13.700.000 đồng (mười ba triệu bảy trăm nghìn đồng); năm 2018 trả 14.000.000 đồng; năm 2019 trả được 12.000.000 đồng; năm 2020 trả được 9.000.000 đồng; năm 2021 trả được 3.500.000đ. Ngoài ra có trả bằng 540 kg thóc và đề nghị trả bằng trâu bò nhưng phía nguyên đơn không chấp nhận.

Tại cấp phúc thẩm, ngoài lời khai trình bày về việc đã trả nợ bị đơn ông Tòng Văn S, bà Lò Thị C không xuất trình được thêm tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho việc trả số tiền vay của mình và số tiền 78.000.000đ là tiền gốc và lãi. Tại biên bản vay tiền ngày 30/7/2016 có sự chứng kiến của ông Lò Văn T và giấy biên nhận vay tiền do ông S, bà C ghi đều thể hiện nội dung số tiền ông S, bà C vay của ông K, bà D là 78.000.000đ, không thỏa thuận về lãi, thời hạn thanh toán là ngày 30/12/2016. Ông S, bà C xác nhận chữ kí trong biên bản vay tiền và Giấy biên nhận vay tiền là của ông bà, việc ký kết hợp đồng vay giữa các bên trên cơ sở tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, do đó hợp đồng có hiệu lực và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

[2.2.] Về lãi suất

Căn cứ các biên bản vay tiền đề ngày 30/7/2016 và giấy biên nhận vay tiền ông Tòng Văn S, bà Lò Thị C vay của ông Lò Văn K và bà Lò Thị D số tiền 78.000.000đ. Thời hạn thanh toán là ngày 30/12/2016. Đến hạn trả nợ ông K, bà D đã nhiều lần đòi nhưng ông S, bà C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Ngày 06/12/2024 ông K, bà D làm đơn khởi kiện yêu cầu ông S, bà C trả số tiền vay. Vụ án không có đương sự nào yêu cầu áp dụng thời hiệu. Căn cứ khoản 2 Điều 149 của Bộ luật dân sự, khoản 2 Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không áp dụng quy định về thời hiệu.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Tòng Văn S và bà Lò Thị C phải trả cho ông Lò Văn K, bà Lò Thị D số tiền vay gốc là 78.000.000 đồng (bảy mươi tám triệu đồng) và lãi là 65.020.000 đồng (sáu mươi lăm triệu không trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 143.020.000 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng) là có căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Tòng Văn S và bà Lò Thị C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

[3] Về án phí phúc thẩm: Bị đơn ông Tòng Văn S và bà Lò Thị C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Tòng Văn S và bà Lò Thị C.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2025/DSST ngày 13/5/2025 của Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La như sau:

Áp dụng điều 463; khoản 1, khoản 4 Điều 466; khoản 2 Điều 468; khoản 1 Điều 470 của Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm:

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lò Văn K, bà Lò Thị D: Buộc ông Tòng Văn S, và bà Lò Thị C phải trả số tiền vay nợ gốc là 78.000.000đ (Bảy mươi tám triệu đồng) và lãi là 65.020.000 đồng (sáu mươi

lăm triệu không trăm hai mươi nghìn đồng). Tổng cộng là 143.020.000 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

“Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ngày 14/5/2025 cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015”.

2. Về án phí phúc thẩm:

Bị đơn ông Tòng Văn S và bà Lò Thị C phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002279 ngày 06/6/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (16/7/2025).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, 7a, 7b và điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân khu vực 1;
- Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Phòng GD, KTNV, TT và THA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Điêu Thị Kim Liên

